

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

Về việc “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Văn Cảnh; bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Như Thắm - Thư ký Tòa án.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp A, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp HT, xã LH, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện GT, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/12/2002, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B đi làm có quen người phụ nữ khác nên về nhà thường xuyên cãi nhau với chị làm cho gia đình không êm ấm. Chị vì thương con đã khuyên nhủ anh B sửa đổi để cùng lo cho con và phát triển kinh tế gia đình nhưng anh B vẫn không thay đổi. Đến đầu năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân anh B cũng không liên lạc với chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại chị đã không còn tình cảm với anh B nên xin được ly hôn.

Về con chung: chị và anh B có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh ngày 09/10/1999 và Nguyễn Tấn V, sinh ngày 20/5/2001, hiện hai con đã trưởng thành có khả năng lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị trình bày không có.

Do chị đi làm ở xa nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Anh B cư trú tại ấp HT, xã LH, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn B có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện GT, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/12/2002. Hôn nhân của anh chị là tự nguyện và hợp pháp nên được pháp luật công nhận, bảo vệ. Chị N cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B có quan hệ bất chính với người khác nên về nhà thường xuyên cãi nhau với chị làm cho gia đình không êm ấm. Chị vì thương con đã khuyên nhủ anh B sửa đổi để cùng lo cho con và phát triển kinh tế gia đình nhưng anh B vẫn không thay đổi đến đầu năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân anh B cũng không liên lạc với chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã phân tích, động viên nhưng chị N khẳng định chị đã không còn tình cảm với anh B nên xin được ly hôn. Xét thấy, tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Theo quy định trên thì giữa chị N và anh B đã xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không

còn, anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Đối với anh B, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho anh B nhưng anh vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh. Qua đó cũng thể hiện việc anh B có thái độ bỏ mặc không mong muốn được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn B có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh ngày 09/10/1999 và Nguyễn Tấn V, sinh ngày 20/5/2001, hiện hai con đã trưởng thành có khả năng lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B, cụ thể:

[1.1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[1.2] Về con chung: chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn B có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh ngày 09/10/1999 và Nguyễn Tấn V, sinh ngày 20/5/2001, hiện hai con đã trưởng thành có khả năng lao động sinh sống được, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000477 ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã LH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Yến Nhi